

**DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ HỌC PHÍ HỌC KỲ II
NĂM HỌC 2021-2022 (THÁNG 01/2022)**

(Theo nghị quyết 29/2021/NQ-HĐND, ngày 09/12/2021 của chính phủ)
(Ban hàng kèm theo Quyết định số 374/QĐ-THCSTLH, ngày 05/12/2022
của Hiệu trưởng Trường THCS Trung Lập Hạ)

STT	Họ và tên	Lớp	Mức học phí (ngđ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
1	Nguyễn Sĩ Bình	6A1	15.000	1	15.000	
2	Võ Thành Danh	6A1	15.000	1	15.000	
3	Trần Gia Hân	6A1	15.000	1	15.000	
4	Huỳnh Gia Huy	6A1	15.000	1	15.000	
5	Nguyễn Gia Huy	6A1	15.000	1	15.000	
6	Ngô Tuấn Khang	6A1	15.000	1	15.000	
7	Nguyễn Tuấn Khanh	6A1	15.000	1	15.000	
8	Trần Thy Mỹ Khanh	6A1	15.000	1	15.000	
9	Lê Thị Trúc Ly	6A1	15.000	1	15.000	
10	Nguyễn Phạm Xuân Mai	6A1	15.000	1	15.000	
11	Bùi Công Mẫn	6A1	15.000	1	15.000	
12	Phạm Thị Trà My	6A1	15.000	1	15.000	
13	Danh Nguyễn Thanh Ngọc	6A1	15.000	1	15.000	
14	Hoàng Bảo Ngọc	6A1	15.000	1	15.000	
15	Lê Thị Yến Nhi	6A1	15.000	1	15.000	
16	Tô Văn Phúc	6A1	15.000	1	15.000	
17	Phan Trung Sơn	6A1	15.000	1	15.000	
18	Võ Văn Tài	6A1	15.000	1	15.000	
19	Lê Mộng Thi	6A1	15.000	1	15.000	
20	Nguyễn Bảo Thiên	6A1	15.000	1	15.000	
21	Lâm Đức Thiện	6A1	15.000	1	15.000	
22	Nguyễn Ngọc Thuận	6A1	15.000	1	15.000	
23	Nguyễn Thị Kim Thùy	6A1	15.000	1	15.000	
24	Đặng Hoàng Anh Thư	6A1	15.000	1	15.000	
25	Nguyễn Thanh Hoài Thương	6A1	15.000	1	15.000	
26	Phan Văn Toàn	6A1	15.000	1	15.000	
27	Dương Lê Bảo Trân	6A1	15.000	1	15.000	
28	Dương Phi Trường	6A1	15.000	1	15.000	
29	Trần Quốc Tuấn	6A1	15.000	1	15.000	
30	Ngô Phương Uyên	6A1	15.000	1	15.000	
31	Võ Tú Uyên	6A1	15.000	1	15.000	
32	Trần Như Ý	6A1	15.000	1	15.000	
33	Võ Phúc Thiện	6A1	15.000	1	15.000	
34	Nguyễn Tuấn Anh	6A2	15.000	1	15.000	
35	Tô Thế Đạt	6A2	15.000	1	15.000	
36	Phan Nguyễn Quốc Hào	6A2	15.000	1	15.000	
37	Dương Gia Hân	6A2	15.000	1	15.000	
38	Nguyễn Văn Hậu	6A2	15.000	1	15.000	
39	Nguyễn Hồ Nhật Huy	6A2	15.000	1	15.000	

1/1/2022
 Nguyễn Văn Tuấn

STT	Họ và tên	Lớp	Mức học phí (ngđ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
40	Lê Trọng Khiêm	6A2	15.000	1	15.000	
41	Nguyễn Nhật Anh Khoa	6A2	15.000	1	15.000	
42	Trần Gia Lạc	6A2	15.000	1	15.000	
43	Trịnh Hoàng Lâm	6A2	15.000	1	15.000	
44	Đặng Trúc Linh	6A2	15.000	1	15.000	
45	Ngô Thùy Linh	6A2	15.000	1	15.000	
46	Trương Trần Hải My	6A2	15.000	1	15.000	
47	Tổng Ngọc Bảo Nam	6A2	15.000	1	15.000	
48	Nguyễn Thị Kim Ngân	6A2	15.000	1	15.000	
49	Nguyễn Hồng Ngọc	6A2	15.000	1	15.000	
50	Nguyễn Thiên Ngọc	6A2	15.000	1	15.000	
51	Cao Trọng Nhân	6A2	15.000	1	15.000	
52	Hồ Phạm Quỳnh Như	6A2	15.000	1	15.000	
53	Nguyễn Minh Phát	6A2	15.000	1	15.000	
54	Nguyễn Thanh Phương	6A2	15.000	1	15.000	
55	Lê Minh Tâm	6A2	15.000	1	15.000	
56	Vũ Ngọc Anh Thy	6A2	15.000	1	15.000	
57	Nguyễn Bùi Mỹ Tiên	6A2	15.000	1	15.000	
58	Huỳnh Minh Tiến	6A2	15.000	1	15.000	
59	Nguyễn Thị Ánh Trúc	6A2	15.000	1	15.000	
60	Cao Cẩm Tú	6A2	15.000	1	15.000	
61	Phan Võ Cẩm Vân	6A2	15.000	1	15.000	
62	Nguyễn Thanh Như Ý	6A2	15.000	1	15.000	
63	Trần Phạm Minh Trương	6A2	15.000	1	15.000	
64	Nguyễn Mai Lan Anh	6A2	15.000	1	15.000	
65	Nguyễn Tuấn Anh	6A3	15.000	1	15.000	
66	Võ Nguyễn Quốc Anh	6A3	15.000	1	15.000	
67	Phan Tuấn Dũng	6A3	15.000	1	15.000	
68	Nguyễn Hồng Đào	6A3	15.000	1	15.000	
69	Lê Quốc Đạt	6A3	15.000	1	15.000	
70	Nguyễn Hoàng Đô	6A3	15.000	1	15.000	
71	Nguyễn Văn Hải	6A3	15.000	1	15.000	
72	Nguyễn Lê Huy Hoàng	6A3	15.000	1	15.000	
73	Võ Lê Anh Khoa	6A3	15.000	1	15.000	
74	Phạm Thị Tuyết Lan	6A3	15.000	1	15.000	
75	Bùi Tấn Lượng	6A3	15.000	1	15.000	
76	Phùng Quang Mạnh	6A3	15.000	1	15.000	
77	Hồ Duy Mạnh	6A3	15.000	1	15.000	
78	Thái Vũ Na	6A3	15.000	1	15.000	
79	Huỳnh Cẩm Ngân	6A3	15.000	1	15.000	
80	Đặng Vũ Hiếu Nghĩa	6A3	15.000	1	15.000	
81	Trần Hồng Ngọc	6A3	15.000	1	15.000	
82	Nguyễn Lê Nguyên	6A3	15.000	1	15.000	
83	Lương Hoàng Phát	6A3	15.000	1	15.000	
84	Trần Tuấn Phát	6A3	15.000	1	15.000	
85	Nguyễn Thị Như Quỳnh	6A3	15.000	1	15.000	
86	Nguyễn Đức Tài	6A3	15.000	1	15.000	
87	Huỳnh Phạm Phương Thảo	6A3	15.000	1	15.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Mức học phí (ngđ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
88	Hà Tấn Thịnh	6A3	15.000	1	15.000	
89	Nguyễn Quốc Thịnh	6A3	15.000	1	15.000	
90	Phan Cao Toàn	6A3	15.000	1	15.000	
91	Nguyễn Bình Phương Trà	6A3	15.000	1	15.000	
92	Phùng Mai Trang	6A3	15.000	1	15.000	
93	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	6A3	15.000	1	15.000	
94	Bùi Minh Trọng	6A3	15.000	1	15.000	
95	Trần Bảo Trúc	6A3	15.000	1	15.000	
96	Võ Thị Thảo Vy	6A3	15.000	1	15.000	
97	Nguyễn Lê Như Ý	6A3	15.000	1	15.000	
98	Huỳnh Thị Trâm Anh	6A4	15.000	1	15.000	
99	Huỳnh Trần Gia Bảo	6A4	15.000	1	15.000	
100	Bùi Kim Dũng	6A4	15.000	1	15.000	
101	Nguyễn Tấn Duy	6A4	15.000	1	15.000	
102	Phan Bảo Duy	6A4	15.000	1	15.000	
103	Trần Tấn Dương	6A4	15.000	1	15.000	
104	Nguyễn Bảo Đăng	6A4	15.000	1	15.000	
105	Phạm Minh Đức	6A4	15.000	1	15.000	
106	Võ Nguyễn Gia Hân	6A4	15.000	1	15.000	
107	Trần Thanh Hiền	6A4	15.000	1	15.000	
108	Nguyễn Hoài Hoàng	6A4	15.000	1	15.000	
109	Cao Gia Huy	6A4	15.000	1	15.000	
110	Nguyễn Bảo Huy	6A4	15.000	1	15.000	
111	Nguyễn Phúc Khang	6A4	15.000	1	15.000	
112	Trương Quang Kiệt	6A4	15.000	1	15.000	
113	Phạm Phương Linh	6A4	15.000	1	15.000	
114	Nguyễn Hoàng Phi Long	6A4	15.000	1	15.000	
115	Bùi Thị Trúc Ly	6A4	15.000	1	15.000	
116	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	6A4	15.000	1	15.000	
117	Trần Nguyễn Bảo Nghi	6A4	15.000	1	15.000	
118	Nguyễn Quốc Nguyên	6A4	15.000	1	15.000	
119	Lê Trần Phương Nhi	6A4	15.000	1	15.000	
120	Cao Huỳnh Yến Như	6A4	15.000	1	15.000	
121	Trần Tuấn Tài	6A4	15.000	1	15.000	
122	Nguyễn Đăng Minh Tâm	6A4	15.000	1	15.000	
123	Lê Thị Phương Thảo	6A4	15.000	1	15.000	
124	Nguyễn Chí Thiện	6A4	15.000	1	15.000	
125	Nguyễn Hoài Thương	6A4	15.000	1	15.000	
126	Nguyễn Ngọc Bảo Thy	6A4	15.000	1	15.000	
127	Phạm Thị Thanh Trúc	6A4	15.000	1	15.000	
128	Thạch Minh Tuấn	6A4	15.000	1	15.000	
129	Võ Đặng Anh Ứng	6A4	15.000	1	15.000	
130	Cao Kiều Ý	6A4	15.000	1	15.000	
131	Huỳnh Đức Lĩnh	6A4	15.000	1	15.000	
	Tổng cộng khối 6		30.000		1.965.000	
132	Huỳnh Thị Thảo Anh	7A1	30.000	1	30.000	
133	Phạm Trâm Anh	7A1	30.000	1	30.000	
134	Phan Bảo Anh	7A1	30.000	1	30.000	

CH
NG
4000
40

STT	Họ và tên	Lớp	Mức học phí (ngđ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
135	Phạm Quỳnh Anh	7A1	30.000	1	30.000	
136	Trương Lê Phương Anh	7A1	30.000	1	30.000	
137	Bùi Xuân Bắc	7A1	30.000	1	30.000	
138	Nguyễn Quốc Đăng	7A1	30.000	1	30.000	
139	Bùi Nguyễn Đức Hậu	7A1	30.000	1	30.000	
140	Nguyễn Duy Khang	7A1	30.000	1	30.000	
141	Cao Gia Khánh	7A1	30.000	1	30.000	
142	Nguyễn Gia Khiêm	7A1	30.000	1	30.000	
143	Phạm Nguyễn Đăng Khiêm	7A1	30.000	1	30.000	
144	Hồ Đăng Khôi	7A1	30.000	1	30.000	
145	Võ Trung Kiên	7A1	30.000	1	30.000	
146	Phan Thị Ngọc Kim	7A1	30.000	1	30.000	
147	Đặng Hoàng Lan	7A1	30.000	1	30.000	
148	Lê Ngọc Thùy Linh	7A1	30.000	1	30.000	
149	Lưu Khánh Linh	7A1	30.000	1	30.000	
150	Phạm Phú Lộc	7A1	30.000	1	30.000	
151	Nguyễn Hoa Thiên Lý	7A1	30.000	1	30.000	
152	Trần Hà Mi	7A1	30.000	1	30.000	
153	Hồ Thanh Minh	7A1	30.000	1	30.000	
154	Nguyễn Khoa Nam	7A1	30.000	1	30.000	
155	Phạm Thị Tuyết Ngân	7A1	30.000	1	30.000	
156	Bùi Lê Bảo Ngọc	7A1	30.000	1	30.000	
157	Nguyễn Lê Yến Ny	7A1	30.000	1	30.000	
158	Lê Nguyễn Tấn Phát	7A1	30.000	1	30.000	
159	Nguyễn Kim Phụng	7A1	30.000	1	30.000	
160	Trần Thanh Sơn	7A1	30.000	1	30.000	
161	Lê Văn Tài	7A1	30.000	1	30.000	
162	Hỷ Hoàng Thanh Thảo	7A1	30.000	1	30.000	
163	Nguyễn Minh Thắng	7A1	30.000	1	30.000	
164	Đặng Thị Mỹ Tú	7A1	30.000	1	30.000	
165	Đỗ Quốc Tuấn	7A1	30.000	1	30.000	
166	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	7A1	30.000	1	30.000	
167	Võ Bình Vĩ	7A1	30.000	1	30.000	
168	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	7A1	30.000	1	30.000	
169	Nguyễn Trúc Vy	7A1	30.000	1	30.000	
170	Nguyễn Thị Như Ý	7A1	30.000	1	30.000	
171	Bùi Thị Mai Ngà	7A1	30.000	1	30.000	
172	Trần Phạm Hoàng Phương Anh	7A1	30.000	1	30.000	
173	Nguyễn Đoàn Việt Ái	7A2	30.000	1	30.000	
174	Lê Quốc Anh	7A2	30.000	1	30.000	
175	Nguyễn Lê Minh Anh	7A2	30.000	1	30.000	
176	Phan Việt Anh	7A2	30.000	1	30.000	
177	Quách Thành Anh	7A2	30.000	1	30.000	
178	Trần Ngọc Trâm Anh	7A2	30.000	1	30.000	
179	Lê Bảo Châu	7A2	30.000	1	30.000	
180	Dương Phi Cơ	7A2	30.000	1	30.000	
181	Nguyễn Quang Dũng	7A2	30.000	1	30.000	
182	Ngô Mỹ Duyên	7A2	30.000	1	30.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Mức học phí (ngđ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
183	Lữ Nhật Hào	7A2	30.000	1	30.000	
184	Phạm Gia Hân	7A2	30.000	1	30.000	
185	Dương Khắc Huy	7A2	30.000	1	30.000	
186	Võ Hoàng Duy Kha	7A2	30.000	1	30.000	
187	Phạm Gia Khiêm	7A2	30.000	1	30.000	
188	Nguyễn Huỳnh Anh Kiệt	7A2	30.000	1	30.000	
189	Quách Nam Kỳ	7A2	30.000	1	30.000	
190	Phan Đỗ Xuân Lan	7A2	30.000	1	30.000	
191	Đặng Ngọc Hà My	7A2	30.000	1	30.000	
192	Lê Nhật Nam	7A2	30.000	1	30.000	
193	Nguyễn Ngọc Ngân	7A2	30.000	1	30.000	
194	Đỗ Xuân Nghi	7A2	30.000	1	30.000	
195	Trần Bảo Nghi	7A2	30.000	1	30.000	
196	Lê Nguyễn Kim Ngọc	7A2	30.000	1	30.000	
197	Võ Thị Ngọc	7A2	30.000	1	30.000	
198	Đinh Thiện Nhân	7A2	30.000	1	30.000	
199	Mai Hữu Nhân	7A2	30.000	1	30.000	
200	Trần Trọng Nhân	7A2	30.000	1	30.000	
201	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	7A2	30.000	1	30.000	
202	Phạm Tâm Như	7A2	30.000	1	30.000	
203	Võ Phan Ngọc Như	7A2	30.000	1	30.000	
204	Lê Nguyễn Phú	7A2	30.000	1	30.000	
205	Đoàn Phương Quyên	7A2	30.000	1	30.000	
206	Phạm Thị Thanh Thảo	7A2	30.000	1	30.000	
207	Wang Truyền Thắng	7A2	30.000	1	30.000	
208	Trần Minh Thuận	7A2	30.000	1	30.000	
209	Nguyễn Phạm Thanh Thúy	7A2	30.000	1	30.000	
210	Nguyễn Ngọc Trinh	7A2	30.000	1	30.000	
211	Phạm Thành Trung	7A2	30.000	1	30.000	
212	Hoàng Thị Hồng Vân	7A2	30.000	1	30.000	
213	Võ Phương Vy	7A2	30.000	1	30.000	
214	Võ Thanh Vy	7A2	30.000	1	30.000	
215	Nguyễn Ánh Minh Xuân	7A2	30.000	1	30.000	
216	Đỗ Lê Hoàng Anh	7A3	30.000	1	30.000	
217	Đỗ Lê Hồng Anh	7A3	30.000	1	30.000	
218	Hà Phương Anh	7A3	30.000	1	30.000	
219	Trần Hồ Hoàng Anh	7A3	30.000	1	30.000	
220	Trần Ngọc Thùy Anh	7A3	30.000	1	30.000	
221	Vũ Thị Lan Anh	7A3	30.000	1	30.000	
222	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	7A3	30.000	1	30.000	
223	Trần Thị Khánh Băng	7A3	30.000	1	30.000	
224	Trần Cao Lê Dũng	7A3	30.000	1	30.000	
225	Lê Tiến Đạt	7A3	30.000	1	30.000	
226	Trần Nguyễn Hoàng Hải	7A3	30.000	1	30.000	
227	Lê Đình Quang Hiến	7A3	30.000	1	30.000	
228	Lê Huỳnh Khánh Huy	7A3	30.000	1	30.000	
229	Bùi Trần Đăng Khoa	7A3	30.000	1	30.000	
230	Trần Nhật Khoa	7A3	30.000	1	30.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Mức học phí (ngđ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
231	Nguyễn Anh Khôi	7A3	30.000	1	30.000	
232	Trần Phạm Đăng Khôi	7A3	30.000	1	30.000	
233	Hồ Đăng Khương	7A3	30.000	1	30.000	
234	Nguyễn Lê Hà Mi	7A3	30.000	1	30.000	
235	Nguyễn Nhật Minh	7A3	30.000	1	30.000	
236	Nguyễn Trần Tiến Minh	7A3	30.000	1	30.000	
237	Phạm Thị Kiều My	7A3	30.000	1	30.000	
238	Phạm Thị Tuyết Ngân	7A3	30.000	1	30.000	
239	Nguyễn Lê Minh Ngọc	7A3	30.000	1	30.000	
240	Phạm Nguyễn Khánh Ngọc	7A3	30.000	1	30.000	
241	Nguyễn Huỳnh Thanh Nhã	7A3	30.000	1	30.000	
242	Nguyễn Lê Tuyết Nhi	7A3	30.000	1	30.000	
243	Nguyễn Bảo Như	7A3	30.000	1	30.000	
244	Mã Đại Quang	7A3	30.000	1	30.000	
245	Nguyễn Thị Nhã Quyên	7A3	30.000	1	30.000	
246	Trần Lê Quỳnh	7A3	30.000	1	30.000	
247	Nguyễn Diệp Thanh	7A3	30.000	1	30.000	
248	Nguyễn Minh Thành	7A3	30.000	1	30.000	
249	Nguyễn Văn Thoại	7A3	30.000	1	30.000	
250	Nguyễn Thị Minh Thư	7A3	30.000	1	30.000	
251	Dương Thị Thủy Tiên	7A3	30.000	1	30.000	
252	Huỳnh Nguyễn Thủy Tiên	7A3	30.000	1	30.000	
253	Nguyễn Hoàng Minh Tiến	7A3	30.000	1	30.000	
254	Lê Phạm Ngọc Trâm	7A3	30.000	1	30.000	
255	Võ Nguyễn Huyền Trân	7A3	30.000	1	30.000	
256	Vũ Thiên Tú	7A3	30.000	1	30.000	
257	Cao Thành Đạt	7A3	30.000	1	30.000	
258	Huỳnh Tuấn Anh	7A4	30.000	1	30.000	
259	Nguyễn Trần Phương Anh	7A4	30.000	1	30.000	
260	Phạm Ngọc Anh	7A4	30.000	1	30.000	
261	Đỗ Thành Công	7A4	30.000	1	30.000	
262	Đoàn Minh Duy	7A4	30.000	1	30.000	
263	Hà Bảo Duy	7A4	30.000	1	30.000	
264	Võ Trần Hoàng Duy	7A4	30.000	1	30.000	
265	Nguyễn Phúc Đạt	7A4	30.000	1	30.000	
266	Quách Thị Tâm Đoàn	7A4	30.000	1	30.000	
267	Võ Chí Hiếu	7A4	30.000	1	30.000	
268	Trần Đăng Khoa	7A4	30.000	1	30.000	
269	Lê Hoài Anh Khôi	7A4	30.000	1	30.000	
270	Lê Anh Kiệt	7A4	30.000	1	30.000	
271	Huỳnh Ngọc Tường Lam	7A4	30.000	1	30.000	
272	Trần Quốc Liễu	7A4	30.000	1	30.000	
273	Lê Hoàng Khánh Linh	7A4	30.000	1	30.000	
274	Phạm Hoàng Long	7A4	30.000	1	30.000	
275	Trần Hiền Mai	7A4	30.000	1	30.000	
276	Ngô Thị Trà My	7A4	30.000	1	30.000	
277	Trần Lê Hải Nam	7A4	30.000	1	30.000	
278	Bùi Phương Nghi	7A4	30.000	1	30.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Mức học phí (ngđ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
279	Trần Đoàn Phương Nghi	7A4	30.000	1	30.000	
280	Trần Huỳnh Thảo Ngọc	7A4	30.000	1	30.000	
281	Bùi Lê Trọng Nhân	7A4	30.000	1	30.000	
282	Trần Minh Nhật	7A4	30.000	1	30.000	
283	Lê Đức Phát	7A4	30.000	1	30.000	
284	Kiên Thị Hồng Phúc	7A4	30.000	1	30.000	
285	Nguyễn Đông Quân	7A4	30.000	1	30.000	
286	Lê Thị Ngọc Quyên	7A4	30.000	1	30.000	
287	Huỳnh Văn Tài	7A4	30.000	1	30.000	
288	Trần Thị Thanh Thảo	7A4	30.000	1	30.000	
289	Đoàn Trung Tiến	7A4	30.000	1	30.000	
290	Nguyễn Hoàng Thiên Toàn	7A4	30.000	1	30.000	
291	Nguyễn Ngọc Thảo Trâm	7A4	30.000	1	30.000	
292	Lê Phan Minh Triết	7A4	30.000	1	30.000	
293	Lê Nguyễn Thảo Vy	7A4	30.000	1	30.000	
294	Lê Võ Phương Vy	7A4	30.000	1	30.000	
295	Nguyễn Diệp Tường Vy	7A4	30.000	1	30.000	
296	Nguyễn Trần Tường Vy	7A4	30.000	1	30.000	
297	Hồ Hải Yên	7A4	30.000	1	30.000	
298	Dương Văn Như Thanh	7A4	30.000	1	30.000	
299	Dương Ngọc Thúy An	8A1	30.000	1	30.000	
300	Nguyễn Hoài Anh	8A1	30.000	1	30.000	
301	Cao Quốc Bảo	8A1	30.000	1	30.000	
302	Chu Thái Bảo	8A1	30.000	1	30.000	
303	Ngô Văn Bình	8A1	30.000	1	30.000	
304	Bùi Thị Mỹ Diệu	8A1	30.000	1	30.000	
305	Phạm Chí Dũng	8A1	30.000	1	30.000	
306	Nguyễn Thành Đạt	8A1	30.000	1	30.000	
307	Trần Mạnh Đạt	8A1	30.000	1	30.000	
308	Lê Nhật Hào	8A1	30.000	1	30.000	
309	Nguyễn Bình Phương Hạo	8A1	30.000	1	30.000	
310	Trần Duy Hiếu	8A1	30.000	1	30.000	
311	Nguyễn Mỹ Hoàng	8A1	30.000	1	30.000	
312	Thái Huỳnh Quốc Khang	8A1	30.000	1	30.000	
313	Dương Gia Kiệt	8A1	30.000	1	30.000	
314	Võ Nguyễn Anh Kiệt	8A1	30.000	1	30.000	
315	Trịnh Ngọc Linh	8A1	30.000	1	30.000	
316	Giáp Anh Mỹ	8A1	30.000	1	30.000	
317	Huỳnh Ngọc Yên Nhi	8A1	30.000	1	30.000	
318	Nguyễn Tuyết Nhi	8A1	30.000	1	30.000	
319	Nguyễn Huỳnh Ninh	8A1	30.000	1	30.000	
320	Trần Hoàng Phúc	8A1	30.000	1	30.000	
321	Trần Thanh Phúc	8A1	30.000	1	30.000	
322	Trần Nguyễn Minh Quân	8A1	30.000	1	30.000	
323	Trần Đình Quốc	8A1	30.000	1	30.000	
324	Phạm Thị Yến Quỳnh	8A1	30.000	1	30.000	
325	Nguyễn Trương Tấn Sang	8A1	30.000	1	30.000	
326	Nguyễn Tấn Tài	8A1	30.000	1	30.000	



STT	Họ và tên	Lớp	Mức học phí (ngđ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
327	Nguyễn Ngọc Đan Thanh	8A1	30.000	1	30.000	
328	Phạm Thị Xuân Thùy	8A1	30.000	1	30.000	
329	Lại Nguyễn Ngọc Thùy	8A1	30.000	1	30.000	
330	Huỳnh Anh Thư	8A1	30.000	1	30.000	
331	Trần Ngọc Anh Thư	8A1	30.000	1	30.000	
332	Lê Ngọc Phương Trang	8A1	30.000	1	30.000	
333	Nguyễn Tuấn Tú	8A1	30.000	1	30.000	
334	Nguyễn Phúc Vĩnh Tuệ	8A1	30.000	1	30.000	
335	Nguyễn Ái Vi	8A1	30.000	1	30.000	
336	Nguyễn Ngọc Yến Vy	8A1	30.000	1	30.000	
337	Trần Nguyễn Yến Vy	8A1	30.000	1	30.000	
338	Nguyễn Ngọc Kim Xuân	8A1	30.000	1	30.000	
339	Đào Huỳnh Trâm Anh	8A2	30.000	1	30.000	
340	Nguyễn Thị Kim Anh	8A2	30.000	1	30.000	
341	Tô Hữu Bằng	8A2	30.000	1	30.000	
342	Nguyễn Quốc Bình	8A2	30.000	1	30.000	
343	Ngô Tăng Phương Du	8A2	30.000	1	30.000	
344	Huỳnh Trung Dũng	8A2	30.000	1	30.000	
345	Trịnh Võ Đức Duy	8A2	30.000	1	30.000	
346	Nguyễn Duy Đăng	8A2	30.000	1	30.000	
347	Nguyễn Thành Đạt	8A2	30.000	1	30.000	
348	Nguyễn Hoàng Phi Hùng	8A2	30.000	1	30.000	
349	Bùi Gia Huy	8A2	30.000	1	30.000	
350	Nguyễn Thị Quỳnh Hương	8A2	30.000	1	30.000	
351	Văn Khiết Hữu	8A2	30.000	1	30.000	
352	Nguyễn Gia Khiêm	8A2	30.000	1	30.000	
353	Võ Anh Kiệt	8A2	30.000	1	30.000	
354	Dương Lê Trúc Ly	8A2	30.000	1	30.000	
355	Lê Nhật Nam	8A2	30.000	1	30.000	
356	Đào Nguyễn Kim Ngân	8A2	30.000	1	30.000	
357	Lê Thị Tuyết Ngân	8A2	30.000	1	30.000	
358	Huỳnh Ngọc Yến Nhi	8A2	30.000	1	30.000	
359	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	8A2	30.000	1	30.000	
360	Trần Long Nhựt	8A2	30.000	1	30.000	
361	Phạm Tấn Phát	8A2	30.000	1	30.000	
362	Nguyễn Châu Thanh Phụng	8A2	30.000	1	30.000	
363	Nguyễn Lê Uyên Phương	8A2	30.000	1	30.000	
364	Lê Thị Thanh Quế	8A2	30.000	1	30.000	
365	Bùi Văn Quý	8A2	30.000	1	30.000	
366	Trần Đức Tài	8A2	30.000	1	30.000	
367	Lâm Quốc Thái	8A2	30.000	1	30.000	
368	Lê Văn Phương Thảo	8A2	30.000	1	30.000	
369	Lê Ngọc Anh Thư	8A2	30.000	1	30.000	
370	Võ Anh Thư	8A2	30.000	1	30.000	
371	Phạm Thị Bảo Thy	8A2	30.000	1	30.000	
372	Trần Nguyễn Thị Bảo Thy	8A2	30.000	1	30.000	
373	Trần Trung Tín	8A2	30.000	1	30.000	
374	Bùi Thị Yến Trang	8A2	30.000	1	30.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Mức học phí (ngđ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
375	Bùi Nguyễn Anh Trí	8A2	30.000	1	30.000	
376	Nguyễn Đoàn Trinh	8A2	30.000	1	30.000	
377	Cao Anh Tuấn	8A2	30.000	1	30.000	
378	Lý Trần Thảo Vy	8A2	30.000	1	30.000	
379	TRẦN KHA VINH	8A2	30.000	1	30.000	
380	Đoàn Thị Thúy An	8A3	30.000	1	30.000	
381	Nguyễn Vũ Hồng Anh	8A3	30.000	1	30.000	
382	Trần Văn Bảo	8A3	30.000	1	30.000	
383	Võ Ngọc Bảo Châu	8A3	30.000	1	30.000	
384	Hoàng Hà Trọng Dũng	8A3	30.000	1	30.000	
385	Huỳnh Đông Duy	8A3	30.000	1	30.000	
386	Bùi Ánh Dương	8A3	30.000	1	30.000	
387	Nguyễn Anh Hào	8A3	30.000	1	30.000	
388	Thái Anh Hào	8A3	30.000	1	30.000	
389	Trần Thu Hằng	8A3	30.000	1	30.000	
390	Lý Kim Huệ	8A3	30.000	1	30.000	
391	Văn Phú Huy	8A3	30.000	1	30.000	
392	Mã Thế Khải	8A3	30.000	1	30.000	
393	Trần Tuấn Khang	8A3	30.000	1	30.000	
394	Nguyễn Dương Anh Khoa	8A3	30.000	1	30.000	
395	Nguyễn Trần Đăng Khoa	8A3	30.000	1	30.000	
396	Võ Quốc Kiệt	8A3	30.000	1	30.000	
397	Nguyễn Gia Lạc	8A3	30.000	1	30.000	
398	Lê Trần Diễm Mi	8A3	30.000	1	30.000	
399	Nguyễn Thị Kim Ngân	8A3	30.000	1	30.000	
400	Nguyễn Hoàng Nhân	8A3	30.000	1	30.000	
401	Nguyễn Ngọc Uyên Nhi	8A3	30.000	1	30.000	
402	Lê Minh Phú	8A3	30.000	1	30.000	
403	Trần Hùng Phúc	8A3	30.000	1	30.000	
404	Nguyễn Thị Hà Phương	8A3	30.000	1	30.000	
405	Trần Võ Quốc Quân	8A3	30.000	1	30.000	
406	Trương Thanh Thảo	8A3	30.000	1	30.000	
407	Nguyễn Văn Thiện	8A3	30.000	1	30.000	
408	Phạm Thị Minh Thư	8A3	30.000	1	30.000	
409	Phan Minh Thư	8A3	30.000	1	30.000	
410	Lê Lưu Thủy Tiên	8A3	30.000	1	30.000	
411	Phạm Quốc Toàn	8A3	30.000	1	30.000	
412	Phạm Hoàng Yến Trang	8A3	30.000	1	30.000	
413	Trần Hồng Trân	8A3	30.000	1	30.000	
414	Nguyễn Võ Tố Trinh	8A3	30.000	1	30.000	
415	Nguyễn Lam Trường	8A3	30.000	1	30.000	
416	Phan Anh Tuấn	8A3	30.000	1	30.000	
417	Nguyễn Lê Quang Vinh	8A3	30.000	1	30.000	
418	Nguyễn Ngọc Phương Vy	8A3	30.000	1	30.000	
419	Nguyễn Ngọc Thảo Vy	8A3	30.000	1	30.000	
420	Nguyễn Trần Minh Anh	8A3	30.000	1	30.000	
421	Trịnh Văn Ái	9A1	30.000	1	30.000	
422	Trần Ngọc Bảo Anh	9A1	30.000	1	30.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Mức học phí (ngđ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
423	Lê Gia Bảo	9A1	30.000	1	30.000	
424	Nguyễn Thị Kim Chi	9A1	30.000	1	30.000	
425	Trần Hoàng Kim Chi	9A1	30.000	1	30.000	
426	Huỳnh Trọng Duy	9A1	30.000	1	30.000	
427	Bùi Phúc Đại	9A1	30.000	1	30.000	
428	Phùng Nguyễn Kim Đào	9A1	30.000	1	30.000	
429	Phạm Tấn Đạt	9A1	30.000	1	30.000	
430	Đình Công Đức	9A1	30.000	1	30.000	
431	Võ Ngọc Hương Giang	9A1	30.000	1	30.000	
432	Nguyễn Thị Hạ	9A1	30.000	1	30.000	
433	Võ Nguyễn Gia Hân	9A1	30.000	1	30.000	
434	Nguyễn Bá Hiệp	9A1	30.000	1	30.000	
435	Đỗ Đông Hồ	9A1	30.000	1	30.000	
436	Nguyễn Minh Huy	9A1	30.000	1	30.000	
437	Lê Kỳ Bảo Khang	9A1	30.000	1	30.000	
438	Phạm Đăng Phúc Khương	9A1	30.000	1	30.000	
439	Nguyễn Võ Chang Kun	9A1	30.000	1	30.000	
440	Trần Ngọc Liễu	9A1	30.000	1	30.000	
441	Hà Đình Lương	9A1	30.000	1	30.000	
442	Phạm Nguyễn Thảo Ly	9A1	30.000	1	30.000	
443	Trần Phương Mi	9A1	30.000	1	30.000	
444	Phan Nguyễn Hoàng Minh	9A1	30.000	1	30.000	
445	Lê Ngọc Kiều My	9A1	30.000	1	30.000	
446	Nguyễn Thị Thanh Ngân	9A1	30.000	1	30.000	
447	Võ Minh Nghĩa	9A1	30.000	1	30.000	
448	Huỳnh Thị Phương Nhi	9A1	30.000	1	30.000	
449	Nguyễn Ngọc Yên Nhi	9A1	30.000	1	30.000	
450	Nguyễn Ngọc Ánh Như	9A1	30.000	1	30.000	
451	Trần Dương Tấn Phát	9A1	30.000	1	30.000	
452	Nguyễn Hữu Phước	9A1	30.000	1	30.000	
453	Nguyễn Như Quỳnh	9A1	30.000	1	30.000	
454	Tô Nguyễn Thanh Tấn	9A1	30.000	1	30.000	
455	Huỳnh Gia Thiện	9A1	30.000	1	30.000	
456	Cù Thị Thu	9A1	30.000	1	30.000	
457	Nguyễn Hoàng Mỹ Thu	9A1	30.000	1	30.000	
458	Trần Lê Anh Thu	9A1	30.000	1	30.000	
459	Phạm Lê Hoài Thương	9A1	30.000	1	30.000	
460	Lê Thị Bích Trâm	9A1	30.000	1	30.000	
461	Võ Minh Trí	9A1	30.000	1	30.000	
462	Tăng Phương Trinh	9A1	30.000	1	30.000	
463	Nguyễn Ngọc Thủy Trúc	9A1	30.000	1	30.000	
464	Nguyễn Trịnh Thanh Trúc	9A1	30.000	1	30.000	
465	Nguyễn Anh Tuấn	9A1	30.000	1	30.000	
466	Nguyễn Thị Ngọc Tuyết	9A1	30.000	1	30.000	
467	Ngô Quốc Việt	9A1	30.000	1	30.000	
468	Võ Nguyễn Quỳnh Anh	9A2	30.000	1	30.000	
469	Nguyễn Ngọc Ánh	9A2	30.000	1	30.000	
470	Lê Minh Gia Bảo	9A2	30.000	1	30.000	

STT	Họ và tên	Lớp	Mức học phí (ngđ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
471	Nguyễn Thái Bảo	9A2	30.000	1	30.000	
472	Bùi Trung Chánh	9A2	30.000	1	30.000	
473	Nguyễn Tăng Thanh Duy	9A2	30.000	1	30.000	
474	Trương Lê Mộng Duy	9A2	30.000	1	30.000	
475	Nguyễn Thị Kim Duyên	9A2	30.000	1	30.000	
476	Trần Thị Xuân Đào	9A2	30.000	1	30.000	
477	Nguyễn Hoàng Minh Đức	9A2	30.000	1	30.000	
478	Nguyễn Hằng Hân	9A2	30.000	1	30.000	
479	Nguyễn Võ Ngọc Hân	9A2	30.000	1	30.000	
480	Võ Thị Ngọc Hân	9A2	30.000	1	30.000	
481	Nguyễn Minh Hiếu	9A2	30.000	1	30.000	
482	Trần Gia Huy	9A2	30.000	1	30.000	
483	Trương Đăng Huy	9A2	30.000	1	30.000	
484	Nguyễn Chí Khanh	9A2	30.000	1	30.000	
485	Hồ Đăng Khoa	9A2	30.000	1	30.000	
486	Trần Phú Khương	9A2	30.000	1	30.000	
487	Lê Thị Ngọc Linh	9A2	30.000	1	30.000	
488	Lâm Phi Long	9A2	30.000	1	30.000	
489	Trương Văn Minh	9A2	30.000	1	30.000	
490	Phạm Thị Hồng Ngân	9A2	30.000	1	30.000	
491	Nguyễn Lý Khôi Nguyên	9A2	30.000	1	30.000	
492	Lê Ngọc Kiều Nhi	9A2	30.000	1	30.000	
493	Nguyễn Kim Nhi	9A2	30.000	1	30.000	
494	Trần Thị Quỳnh Như	9A2	30.000	1	30.000	
495	Phan Đăng Kiều Oanh	9A2	30.000	1	30.000	
496	Võ Hoàng Phúc	9A2	30.000	1	30.000	
497	Nguyễn Minh Phụng	9A2	30.000	1	30.000	
498	Nguyễn Hoàng Sơn	9A2	30.000	1	30.000	
499	Lê Hoàng Tiên Thành	9A2	30.000	1	30.000	
500	Lê Như Thảo	9A2	30.000	1	30.000	
501	Nguyễn Lê Minh Thư	9A2	30.000	1	30.000	
502	Huỳnh Thương	9A2	30.000	1	30.000	
503	Hoàng Ngọc Bảo Thy	9A2	30.000	1	30.000	
504	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	9A2	30.000	1	30.000	
505	Trần Thủy Tiên	9A2	30.000	1	30.000	
506	Huỳnh Trọng Tín	9A2	30.000	1	30.000	
507	Trần Trung Tính	9A2	30.000	1	30.000	
508	Trần Huyền Trân	9A2	30.000	1	30.000	
509	Phùng Nguyễn Kim Trúc	9A2	30.000	1	30.000	
510	Phan Cẩm Tú	9A2	30.000	1	30.000	
511	Nguyễn Thanh Tuấn	9A2	30.000	1	30.000	
512	Nguyễn Hà Văn	9A2	30.000	1	30.000	
513	Nguyễn Minh Cảnh	9A3	30.000	1	30.000	
514	Phan Ngọc Minh Châu	9A3	30.000	1	30.000	
515	Trần Nguyễn Lan Chi	9A3	30.000	1	30.000	
516	Trần Mạnh Dũng	9A3	30.000	1	30.000	
517	Nguyễn Thành Đạt	9A3	30.000	1	30.000	
518	Dương Phạm Quỳnh Giang	9A3	30.000	1	30.000	



STT	Họ và tên	Lớp	Mức học phí (ngđ/tháng/HSSV)	Số tháng	Kinh phí	Ghi chú
519	Ngô Huỳnh Hoàng Giang	9A3	30.000	1	30.000	
520	Nguyễn Huỳnh Thanh Hà	9A3	30.000	1	30.000	
521	Nguyễn Hoàng Ngọc Hân	9A3	30.000	1	30.000	
522	Bùi Mai Xuân Hiếu	9A3	30.000	1	30.000	
523	Huỳnh Gia Huy	9A3	30.000	1	30.000	
524	Phan Văn Khải	9A3	30.000	1	30.000	
525	Võ Bảo Khanh	9A3	30.000	1	30.000	
526	Lê Trần Anh Khoa	9A3	30.000	1	30.000	
527	Cao Anh Kiệt	9A3	30.000	1	30.000	
528	Phan Thị Thu Kiều	9A3	30.000	1	30.000	
529	Mai Nguyễn Khánh Linh	9A3	30.000	1	30.000	
530	Trần Khánh Ly	9A3	30.000	1	30.000	
531	Nguyễn Công Minh	9A3	30.000	1	30.000	
532	Trần Nguyễn Hoài Nam	9A3	30.000	1	30.000	
533	Nguyễn Thị Mỹ Ngân	9A3	30.000	1	30.000	
534	Nguyễn Thị Xuân Nghĩa	9A3	30.000	1	30.000	
535	Dương Thành Nhân	9A3	30.000	1	30.000	
536	Nguyễn Lê Yến Nhi	9A3	30.000	1	30.000	
537	Nguyễn Yến Nhi	9A3	30.000	1	30.000	
538	Nguyễn Gia Phúc	9A3	30.000	1	30.000	
539	Vũ Mai Phương	9A3	30.000	1	30.000	
540	Hà Văn Sang	9A3	30.000	1	30.000	
541	Lê Thành Tài	9A3	30.000	1	30.000	
542	Nguyễn Thanh Thảo	9A3	30.000	1	30.000	
543	Nguyễn Hoàng Thời	9A3	30.000	1	30.000	
544	Bùi Minh Thư	9A3	30.000	1	30.000	
545	Nguyễn Ngọc Anh Thư	9A3	30.000	1	30.000	
546	Phạm Thị Thu Trang	9A3	30.000	1	30.000	
547	Đặng Ái Trâm	9A3	30.000	1	30.000	
548	Nguyễn Minh Trí	9A3	30.000	1	30.000	
549	Lê Thanh Trúc	9A3	30.000	1	30.000	
550	Trần Đức Trung	9A3	30.000	1	30.000	
551	Trần Minh Tuấn	9A3	30.000	1	30.000	
552	Trần Thị Bích Tuyền	9A3	30.000	1	30.000	
553	Nguyễn Quốc Việt	9A3	30.000	1	30.000	
554	Phạm Thị Yến Vy	9A3	30.000	1	30.000	
555	Trịnh Nguyễn Thủy Vy	9A3	30.000	1	30.000	
556	Huỳnh Đức Lâm	9A3	30.000	1	30.000	
Tổng cộng khối 7,8,9					12.750.000	
Tổng cộng					14.715.000	

Bảng chữ: Mười bốn triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng

Trung Lập Hạ, Ngày 05 tháng 12 năm 2022



Hiệu trưởng

Hồ Thị Thu Thủy